

Bản án số: 15/2022/DSST

Ngày: 16-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thịnh và bà Phan Thị Đóa

- Thư ký phiên Tòa: Bà Hồ Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 26/2022/TLST- DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1994; vắng mặt

Cùng cư trú: Xóm CA, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; có mặt

Nơi cư trú: Xóm B, xã NS, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022, bản tự khai ngày 04/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Từ năm 2015 đến hết năm 2016, chị H có nhờ chị H vay tiền của người khác về cho chị H vay để làm công trình, tổng số tiền các lần chị cho chị H vay là 450.000.000đ; quá trình vay chị H đã trả được 265.000.000đ, số tiền còn lại 185.000.000đ. Số tiền còn lại chị đã đòi nhiều lần nhưng chị H không trả. Sau đó ngày 23/9/2017 chị H có nhờ chị đi vay của người khác số tiền 90.000.000đ về cho chị H vay để chị H trả vào số tiền 185.000.000đ, vì số tiền này cũng là vay của người khác. Chị H có hứa trả số tiền lãi và gốc đối với số tiền 90.000.000đ vay ngày 23/9/2017. Đến ngày 30/3/2018 (âm lịch) chị và chị H có tính toán với nhau và viết giấy chốt nợ số tiền 94.900.000đ. Sau khi chốt nợ chị H không chịu trả, số tiền 90.000.000đ vay ngày 23/9/2017 cũng không chịu trả tiền gốc và tiền lãi của khoản vay trước đang còn nên đến ngày 14/3/2021 giữa chị và chị H tiếp tục viết lại giấy chốt nợ đối với 2 khoản nợ, gồm khoản nợ từ năm 2016 còn lại là 94.900.000đ (theo giấy chốt ngày 30/3/2018) và số tiền 105.000.000đ, trong đó tiền gốc 90.000.000đ và tiền lãi suất là 25.000.000đ, tổng cộng 199.900.000đ. Trong thời gian đó chị H có nhờ chị Trần Thị T, sinh năm 1971, trú tại: Xóm TC, xã QC, huyện QL, tỉnh Nghệ An trả cho chị 20.000.000đ nên số tiền còn lại trong giấy chốt nợ là 179.900.000đ. Khi ký giấy chốt nợ chị H có ký vào giấy và có ghi thêm “có cả tiền lãi”, hẹn 2 tháng sẽ trả. Từ sau khi chốt nợ, chị đã nhiều lần yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H vẫn không trả tiền.

Số tiền 40.000.000đ anh Nguyễn Xuân H chuyển cho chị vào ngày 17/01/2017 là trước khi viết giấy chốt nợ ngày 30/3/2018, số tiền này chị đã trừ cho chị H. Nay chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị số tiền theo giấy chốt nợ ngày 14/3/2021 âm lịch là 179.900.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng), chị không yêu cầu lãi suất.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Anh T thống nhất các nội dung như trình bày của chị Nguyễn Thị H, không trình bày bổ sung.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2022 và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 2016 chị có vay của chị H số tiền 45.000.000đ. Khi vay có viết vào sổ của chị H giữ, có người làm chứng, chị có ký vào, vì lúc đó là bạn bè vay nhau để làm ăn nên chị không giữ bất cứ giấy tờ nào cả. Khi vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng, cụ thể bao nhiêu chị không nhớ, không hẹn thời hạn trả nợ, vay để kinh doanh nên khi nào dôi vốn ra mới trả. Quá trình vay khoảng một vài tháng chị trả lãi một lần, tiền lãi khoảng 2.000đ/ngày/triệu, số tiền trả cụ thể chị không nhớ, do bạn bè tin tưởng nên khi trả không viết giấy tờ gì. Đến ngày 30/3/2018 chị H viết giấy chốt nợ, chị có ký. Bản

chất là chuyển nợ của số tiền gốc 45.000.000đ chị đã vay trước đó, cộng với tiền lãi. Tính ra tiền lãi lên đến 49.900.000đ. Lúc đó kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chị hẹn khi nào có tiền thì chị sẽ trả cho chị H. Trong năm 2018 chị có trả cho chị H 2 lần, 1 lần gửi chị Trần Thị T, sinh năm 1971, trú tại: Xóm TC, xã QC, huyện QL, tỉnh Nghệ An trả cho chị H 20.000.000đ, 1 lần chị gửi anh Nguyễn Xuân H sinh năm 1981, trú tại: Xóm D, xã QN, huyện QL, tỉnh Nghệ An chuyển khoản cho chị H tại Ngân hàng nông nghiệp số tiền 30.000.000đ. Tổng cộng chị đã trả cho chị H 50.000.000đ. Do thời gian lâu rồi nên chị không nhớ về thời gian trả. Tổng số tiền 50.000.000đ chị đã trả là tiền gốc, không phải tiền lãi. Giấy viết tay ngày 14/3/2021 do chị H cung cấp là do chị H viết và chị ký vào. Do khoản nợ năm 2018 theo giấy ngày 30/3/2018 chị chưa trả hết nên chị H xuống nhà chị viết giấy chốt nợ. Khi chị nhìn thấy tiền lãi lên đến 105.000.000đ chị đã nói lại cho chị H nhưng do là bạn bè nên chị mới ký vào. Khoản tiền chị đã trả cho chị H 50.000.000đ năm 2018 tại thời điểm 14/3/2021 chị H mới trừ 20.000.000đ. Từ thời điểm chốt nợ đến nay chị chưa tiếp tục trả nợ cho chị H vì hiện nay điều kiện kinh tế của chị chưa có. Nay chị H yêu cầu chị phải trả cho chị H số tiền 179.900.000đ thì chị không đồng ý, chị chỉ vay của chị H 44.900.000đ tiền gốc, tiền lãi chỉ được tính trên tiền gốc còn lại, đề nghị chị H không tính tiền lãi vì thực tế chị vay có 45.000.000đ mà tiền lãi lên đến hơn 100.000.000đ, quá trình vay nợ cho đến thời điểm chốt nợ năm 2021 chị H đều tính lãi 2.000đ/triệu/ngày. Đến tại thời điểm này chị không có tài liệu nào để chứng minh số tiền chị chỉ vay chị H 45.000.000đ và mức lãi suất 2.000.000đ/ngày/triệu.

Theo Biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2022 anh Nguyễn Xuân H trình bày: Ngày 17/01/2017 chị H có vay của anh số tiền 40.000.000đ và nhờ anh đến ngân hàng chuyển số tiền trên cho chị Nguyễn Thị H, chuyển ở ngân hàng nào anh không nhớ, anh chỉ chuyển tiền cho chị H một lần duy nhất với số tiền 40.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Người tham gia tố tụng trong vụ án là nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 179.900.000đ; lãi suất không yêu cầu nên không xem xét, và buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

[1] Đây là vụ án Dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[2] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại: Xóm B, xã NS, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

[3] Về nội dung:

Tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H cung cấp 02 giấy viết tay, giấy viết tay ngày 30/3/2018 âm lịch có nội dung “Hôm nay là ngày 30 tháng 3 âm năm 2018 H Bình vay H với tổng số tiền 94.900.000đ (Chín mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng, H hẹn 1 tháng trả nợ”, có chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị H. Giấy viết tay ngày 14/3 âm 2021 có nội dung: “Tính sổ với H 94.900.000đ, tính tổng tiền còn lãi 105.000.000đ, H trả 20.000.000đ, tổng nợ H vay 2 đợt 199.900.000đ, H trả 20.000.000đ, còn 179.900.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm), số nợ trên H hẹn 2 tháng sau trả, có chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị H, chị H viết thêm “trong đó có cả tiền lãi”.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị H trong các giấy viết tay trên là do chị H tự viết và ký.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H cho rằng chị chỉ vay của nguyên đơn số tiền gốc là 45.000.000đ vào năm 2016, quá trình vay chị đã nhiều lần trả tiền lãi với mức lãi suất 2.000đ/triệu/ngày, tiền lãi của số tiền gốc vay tại thời điểm ký giấy chốt nợ ngày 14/3/2021 âm lịch là 105.000.000đ, khi ký giấy do bạn bè nể nang nên mới ký. Lời khai của chị H không phù hợp lời khai của chị là “một vài tháng trả tiền lãi một lần” và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án bởi lẽ, tại thời điểm ký giấy chốt nợ chị H có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, không có tài liệu, chứng cứ cho thấy tại thời điểm ký vào giấy chốt nợ chị H bị ép buộc hay bị lừa dối. Trong giấy ghi rõ “Tổng nợ H vay 2 đợt”, có nghĩa là thực tế chị H có vay của nguyên đơn 2 lần với số tiền từng lần vay như trong giấy, cũng không có tài liệu nào thể hiện chị H vay của chị H số tiền 45.000.000đ. Như vậy đủ cơ sở để kết luận, khi thực hiện giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay tài

sản giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong giấy viết tay ngày 14/3/2021 âm lịch mặc dù không ghi rõ mức thỏa thuận về lãi suất nhưng có thể hiện đã tính lãi suất, có xác nhận của bên vay là chị H, có ghi thời hạn nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Về số tiền đã trả: Giấy viết tay ngày 14/3/2021 ghi “H trả: 20.000.000đ”, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận số tiền này là do chị H gửi chị Trần Thị T trả cho chị H. Số tiền này các bên không tranh chấp, đã được trừ vào số tổng nợ, có ký xác nhận của bị đơn, đây là tình tiết của vụ án không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 BLTTDS năm 2015.

Bị đơn khai sau khi viết giấy chốt nợ ngày 30/3/2018 âm lịch chị có nhờ anh Nguyễn Xuân H chuyển khoản cho chị H số tiền 30.000.000đ để trả nợ nhưng chị H chưa trừ. Tại phiên tòa chị H có ý kiến do thời gian lâu rồi nên nhớ nhầm, số tiền nhờ anh H trả cho chị H là 40.000.000đ. Tòa án đã lấy lời khai của anh H, anh H khai chỉ chuyển vào tài khoản của chị Nguyễn Thị H một lần duy nhất 40.000.000đ vào ngày 17/01/2017, ngoài ra không chuyển lần nào nữa. Lời khai của anh H phù hợp với lời khai của nguyên đơn, phù hợp với sao kê tài khoản ngân hàng của chị Nguyễn Thị H (BL số 38). Quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Do đó lời khai của chị H cho rằng số tiền 40.000.000đ chị đã trả cho chị H sau khi viết giấy chốt nợ ngày 30/3/2018 âm lịch là không có căn cứ.

HĐXX có đủ cơ sở kết luận tính đến ngày 14/3/2021 (âm lịch), chị Nguyễn Thị H còn nợ của chị Nguyễn Thị H số tiền 179.900.000đ. Nguyên đơn yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền 179.900.000đ theo giấy chốt nợ ngày 14/3/2021 âm lịch là phù hợp với quy định tại Điều 466 BLDS năm 2015, cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 8.995.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 4.498.000đ.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 463, 468, 470 Bộ luật dân sự; các Điều 147, **Điều 228**, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 179.900.000đ (Một trăm bảy mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng) theo giấy chốt nợ ngày 14/3/2021 âm lịch.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 8.995.000đ (Tám triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 4.498.000đ (Bốn triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0007852 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hà